

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/DS-PT

Ngày: 08/4/2021.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Vĩnh Hữu.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Triều.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hậu Mộng Thúy, Thẩm tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà Từ Thị Kỳ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2021/TLPT-DS ngày 23/02/2021 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 362/2020/DSST, ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐ-PT ngày 26/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Thị S, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

*Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:* Phạm Ngọc D, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Dương Hoài T, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Thị Thùy D, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

Nguyễn Anh T, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An;

4. *Người làm chứng:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Long An.

\*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Dương Hoài T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày:* Do chỗ quen biết nên bà S có cho anh T mượn các lần tiền như sau:

Vào ngày 02/12/2017, anh T mượn bà S số tiền 70.000.000 đồng, việc anh T mượn tiền có chữ viết biên nhận và chữ ký của Dương Hoài T, số tiền này T mượn nói là để có vốn mua gỗ về làm mộc, hứa với bà S đóng xong bộ cửa cho khách hàng sẽ trả lại tiền cho bà S, nhưng xuyên suốt thời gian dài mà Tân vẫn chưa trả cho bà S số tiền này.

Vào tháng 02/2020, anh T mượn bà S số tiền 25.000.000 đồng nhưng vì không có tiền mặt để đưa anh T nên bà S có nói sẽ lấy vàng để cầm lấy tiền đưa cho anh T và anh T phải có trách nhiệm trả vốn, lãi cho bên phía dịch vụ cầm đồ để chuộc số vàng trên về cho bà S. Bà S đã cầm số vàng trên tại tiệm cầm đồ Hoàng Nam tại chợ Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để lấy tiền cho anh T mượn. Đến thời điểm hiện tại, anh T vẫn chưa chuộc vàng về để trả cho bà S, vốn và lãi là 26.425.000 đồng.

Việc bà S cầm vàng cho anh T mượn số tiền này có nhân chứng là Nguyễn Thị Anh T và bản thu âm thừa nhận nợ.

Tổng số tiền mà anh T đã mượn bà S là 96.425.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà S rút lại yêu cầu khởi kiện buộc anh T phải trả đối với số tiền cầm vàng là 26.425.000 đồng. Bà S chỉ yêu cầu anh T trả cho bà S số tiền 70.000.000 đồng.

*Bị đơn anh Dương Hoài T trình bày:* Năm 2017, anh T có mượn bà S 01 dây hụi tổng cộng hốt ra là 51.000.000 đồng. Cùng năm 2017, anh T mua xe nhưng thiếu tiền nên anh T có mượn bà S số tiền là 19.000.000 đồng, số tiền này anh T chỉ nghe nói bà S cầm vàng cho anh mượn chứ thật ra anh không biết là có hay không;

Ngày 02/12/2017, bà S yêu cầu anh T viết biên nhận mượn tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng nhưng sau lúc đó anh T đã đóng hụi chết cho đến mãn dây hụi và đã trả riêng cho bà S 19.000.000 đồng tiền mặt do tin tưởng nên anh T không lấy giấy mượn tiền lúc trước lại.

Dây hụi 51.000.000 đồng hàng tháng anh T đóng 3.000.000 đồng có lúc đưa chị D có lúc đưa bà S, anh T biết dây hụi mãn là do chị D có đưa anh T tờ ghi hụi thể hiện có bao nhiêu phần, khai ngày nào, mãn ngày nào, đồng thời chị D và bà S có thừa nhận việc dây hụi đã đủ và anh T đóng đủ dây hụi này. Có thời gian khoảng 2 - 3 tháng, anh T kẹt tiền nên có nhờ chị D chèn hụi dùm, sau đó anh T đã trả đủ;

Về đoạn ghi âm ngày 30/01/2020, ghi âm đoạn nói chuyện qua điện thoại giữa anh T và bà S, bà S thừa nhận là số tiền 70.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/12/2017 là gồm dây hụi 51.000.000 đồng và số tiền bán vàng đưa cho anh T, bà S cũng thừa nhận dây hụi này anh T có tháng đóng tháng không nhưng thật sự là anh T đóng đủ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, anh T không đồng

ý vì anh T đã trả rồi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Chị Lê Thị Thùy D trình bày:* Số tiền 70.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/12/2017 là số tiền mẹ chị là bà S rút ra từ ngân hàng để đưa cho anh T để anh T mua cây làm cửa do anh T làm trại gỗ, không phải là số tiền từ dây hụi 51.000.000 đồng và tiền bán vàng;

Số tiền này bao gồm số tiền tiết kiệm của chị D đã rút từ ngân hàng trước đó rất lâu, một phần khoảng 50-60 triệu đồng để nhà xài, phần còn lại khoảng 10-20 triệu đồng anh T chở mẹ chị D lên rút sau khi phần tiết kiệm đã đáo hạn. Cả hai số tiền này đều rút trước ngày anh T viết biên nhận rất lâu, chị D không nhớ chính xác nhưng nhớ là khoảng hơn 01 tháng;

Số tiền hụi 51.000.000 đồng anh T nói là dây hụi chị D và anh T chơi riêng, dây hụi này khoảng 15 phần, chị D không nhớ rõ là dây 2.000.000 đồng hay 3.000.000 đồng, lúc hốt dây hụi này còn lại 04 phần là mẫn. Trong 11 phần hụi trước đó chị D đóng được 04 phần thì chị D giao lại cho anh T, anh T đóng được 3 hoặc 4 phần thì anh T không đóng mà chị D đóng, kể cả sau khi hốt còn lại 04 phần hụi chết, chị D là người trực tiếp đóng;

Về phần vàng theo biên nhận cầm đồ ngày 01/3/2020, phần vàng này mẹ chị D là bà S đưa cho chị, chị D và chị T cầm ra tiệm cầm đồ Hoàng Nam cầm được số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 01/3/2020. Sau đó, chị D đưa 25.000.000 đồng này cho chị T cùng ngày, chị T giao lại cho anh T, giao ở đâu và thời gian nào thì chị D không biết. Sau 01 tháng, anh T không đóng lãi nên chị D phải lên đóng lãi và làm lại biên nhận số tiền 26.425.000 đồng gồm tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi 1.425.000 đồng. Chị có ghi âm đoạn nói chuyện giữa chị D, chị T và anh T tại quán cà phê, thể hiện anh T thừa nhận có mượn vàng của mẹ chị. Tại quán ngoài chị, chị T, anh T còn có 02 người bạn tên L đi theo. Hai người bạn này ở xa nên không có điều kiện để ra làm chứng. Hiện nay, số vàng này vẫn chưa chuộc lại vẫn còn cầm tại tiệm cầm đồ Hoàng Nam.

*Chị Nguyễn Anh T trình bày:* Chị D nhờ chị về nhà lấy vàng, lý do vì chị D đang làm ở Tân Hương. Khi lấy vàng chị D là người ra tiệm vàng cầm, rồi nhờ chị đưa anh T dùm, mà chị T hỏi anh T thì anh T nói đã trả số tiền 25.000.000 đồng cho chị D ngày mừng năm tết 2020. Còn phần trong ghi âm của chị D, chị T là người làm chứng, lý do anh T nói lúc đó xe anh T đưa cho chị D chưa bán.

*Người làm chứng Lê Thị N trình bày:* Trước đây, bà N là đầu thảo dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2017 âm lịch, gồm 19 phần. Dây hụi này chị D tham gia 03 phần, chị D đăng ký hốt hụi vào lần khai thứ 16, bỏ thăm 500.000 đồng, tiền huê hồng là 800.000 đồng. Tổng số tiền chị D hốt là 54.200.000 đồng. Danh sách hụi anh T cung cấp và ông D cung cấp là cùng một dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2017 âm lịch, gồm 19 phần. Khi tổ chức dây hụi bà N có viết danh sách hụi cho các hụi viên chơi nhưng có tấm có ghi ngày khai, có tấm thì bà N quên ghi ngày khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 362/2020/DSST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S.

Buộc anh Dương Hoài T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Bùi Thị S số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S về việc yêu cầu anh Dương Hoài T hoàn trả số tiền 26.425.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2020, bị đơn anh Dương Hoài T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Dương Hoài T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị S đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Dương Hoài T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:*

*[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 24/11/2020 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của bị đơn Dương Hoài T thì bị đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Dương Hoài T về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ biên nhận ngày 02/12/2017, bà Bùi Thị S có cho anh Dương Hoài T vay số tiền 70.000.000 đồng. Anh T có viết giấy vay và ký tên vào giấy vay tiền. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T cũng thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền ngày 02/12/2017 và nhận tiền từ bà S;

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thừa nhận có vay của bà S số tiền 70.000.000 đồng trong tổng số tiền 51.000.000 đồng gồm: Tiền mượn từ dây hụi 3.000.000 đồng/tháng và 19.000.000 đồng tiền mặt, tuy nhiên anh T đã đóng hụi đầy đủ số tiền mượn từ dây hụi và đã trả đủ tiền cho bà S. Do tin tưởng bà S nên anh T không lấy lại biên nhận cũng như yêu cầu bà S viết giấy nhận tiền. Lời trình bày của anh T không được đại diện ủy quyền của bà S thừa nhận;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị S là có cơ sở, bởi vì: Căn cứ vào biên nhận ngày 02/12/2017 và lời thừa nhận của anh Dương Hoài T thì anh T có vay của bà S số tiền 70.000.000 đồng và chưa trả số tiền trên cho bà S;

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dương Hoài T không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoài T.

Tại Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S là chưa chính xác và việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà S mà không nêu hậu quả của việc đình chỉ là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Hoài T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân Sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoài T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 362/2020/DSST, ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S.

Buộc anh Dương Hoài T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Bùi Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương Hoài T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S về việc yêu cầu anh Dương Hoài T trả số tiền 26.425.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Bùi Thị S được quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Hoài T phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn lại cho bà Bùi Thị S số tiền 2.410.600 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003729 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0004434 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;

Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Trương Vĩnh Hữu**